



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019

GIỚI THIỆU

Những nội dung cơ bản và những điểm mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương
(Tài liệu họp báo công bố Luật)

Căn cứ Hiến pháp năm 2013, Quốc hội Khóa XIII đã ban hành Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 để cụ thể hóa các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ và chính quyền địa phương, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy sự chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp. Cùng với những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện 2 Luật đã phát sinh những bất cập cần khắc phục, đặc biệt là việc luật hóa các chủ trương của Đảng tại các Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị Khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương theo hướng quy định tiêu chí thành lập tổ chức, sắp xếp tinh gọn đầu mối, giảm cấp trung gian, quy định hợp lý số lượng cấp phó của tổ chức, giảm hợp lý số lượng đại biểu HĐND các cấp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp. Từ yêu cầu trên, Chính phủ đã trình và tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương (có hiệu lực từ ngày 01/7/2020) với những nội dung cơ bản và những điểm mới như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và bố cục của Luật

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Luật sửa đổi, bổ sung 05/50 điều của Luật tổ chức Chính phủ và 38/143 điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

1.2. Bố cục gồm 4 điều: Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ; Điều 2 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 3 về điều khoản thi hành và Điều 4 về điều khoản chuyển tiếp.

2. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ (Điều 1) với 3 nội dung như sau:

2.1. Về thẩm quyền của Chính phủ trong quản lý về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức (Điều 23)

- Bổ sung thẩm quyền của Chính phủ quy định về tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức, khung số lượng, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh (Khoản 3); quy định về số lượng cấp phó tối đa của đơn vị trực thuộc cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Khoản 4); quyết định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (Khoản 9).

2.2. Về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Điều 28)

- Bổ sung thẩm quyền “ủy quyền thực hiện những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập” (Điểm đ Khoản 2).

- Bỏ thẩm quyền quyết định các tiêu chí, điều kiện thành lập hoặc giải thể các cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện (Khoản 10) do chuyển nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chính phủ (Khoản 3 Điều 23).

2.3. Về thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 34 và Điều 40)

- Bổ sung thẩm quyền “cho từ chức” và “biệt phái” (Khoản 5 Điều 34) và “điều động, luân chuyển, biệt phái” (Khoản 9 Điều 34) đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý để thống nhất với quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức.

- Bỏ thẩm quyền “quyết định thành lập các tổ chức phối hợp liên ngành” (Khoản 8) để thực hiện thống nhất vấn đề này thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Khoản 10 Điều 28).

- Bổ sung thẩm quyền quyết định cụ thể số lượng cấp phó của vụ, văn phòng, thanh tra, cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ bảo đảm bình quân không quá 03 người trên một đơn vị (Khoản 2 Điều 40).

Ngoài các nội dung nêu trên còn sửa đổi một số cụm từ cho phù hợp với thực tiễn (thay cụm từ “bất thường” tại khoản 1 Điều 44 bằng cụm từ “hợp chuyên đề hoặc hợp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất” đối với Phiên họp Chính phủ).

3. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương (Điều 2) với 7 nội dung như sau:

3.1. Về phân cấp, phân quyền, ủy quyền (Các điều 11, 12, 13, 14): Quy định rõ khi thực hiện phân cấp, phân quyền phải gắn với hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; bảo đảm các điều kiện về ngân sách, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện; quy định cụ thể các trường hợp được thực hiện phân cấp, ủy quyền để tránh việc phân cấp, ủy quyền tràn lan.

3.2. Về mô hình tổ chức chính quyền địa phương, quy định theo hướng linh hoạt, cụ thể như sau:

- Về tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính: Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 để khẳng định nguyên tắc Hiến định: Chính quyền địa

phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Về tổ chức chính quyền địa phương ở quận và phường: Sửa đổi, bổ sung Điều 44 và Điều 58 theo hướng chính quyền địa phương ở quận, phường là cấp chính quyền địa phương (có HĐND và UBND), trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương để phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của từng đô thị.

- Về trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện ở hải đảo chia thành các đơn vị hành chính cấp xã thì tại đơn vị hành chính cấp xã tổ chức cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương (Khoản 2 Điều 72); giao Chính phủ quy định việc tổ chức các cơ quan thuộc chính quyền địa phương ở địa bàn hải đảo (Khoản 3 Điều 72).

- Về tổ chức chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó (Điều 75).

3.3. Về tổ chức HĐND (các Điều 6, 7, 18; 25, 32, 39, 46, 53, 60, 67, 83).

- Về tiêu chuẩn của đại biểu HĐND, bổ sung quy định có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam (Khoản 1a Điều 7).

- Về số lượng đại biểu HĐND: Quy định rõ khung số lượng theo hướng giảm từ 10% đến 15% số lượng đại biểu HĐND ở từng loại hình đơn vị hành chính.

- Về thường trực HĐND và số lượng Phó Chủ tịch HĐND:

+ Bổ quy định Chánh Văn phòng trong Thường trực HĐND cấp tỉnh và quy định rõ số lượng Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh (nếu Chủ tịch hoạt động chuyên trách thì có 01 Phó Chủ tịch; nếu Chủ tịch hoạt động không chuyên trách thì có 02 Phó Chủ tịch).

+ Giảm 01 PCT HĐND cấp huyện (từ 02 người xuống còn 01 người).

+ Bổ sung Trưởng ban của HĐND cấp xã là Ủy viên Thường trực HĐND cấp xã.

- Về số lượng Phó Trưởng ban của HĐND cấp tỉnh quy định rõ nếu Trưởng ban hoạt động chuyên trách thì có một Phó Trưởng ban; nếu Trưởng ban hoạt động không chuyên trách thì có hai Phó Trưởng ban.

3.4. Bổ sung thẩm quyền của HĐND cấp xã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của cấp xã (do UBND cấp xã xây dựng) trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (các Điều 33, 61, 68).

3.5. Bổ sung quy định UBND cấp xã loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch (sửa từ 01 thành không quá 02 tại các Điều 34, 62, 69).

3.6. Về bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương (Điều 127) được quy định khái quát: HĐND và UBND cấp tỉnh, cấp huyện có cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động theo quy định của pháp luật (không quy định cụ thể tên các Văn phòng như trước); giao Chính phủ quy định cụ thể.

3.7. Quy định về trách nhiệm của đại biểu HĐND với cử tri, về tiếp xúc cử tri và thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND (Khoản 1 Điều 94 và Khoản 1 Điều 101); về tổ chức lại các đơn vị hành chính không đạt tiêu chuẩn theo quy định (Khoản 1 Điều 128).

Ngoài các nội dung nội dung nêu trên còn sửa đổi một số cụm từ cho phù hợp với thực tiễn (thay cụm từ “họp bất thường” thành “họp chuyên đề, họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất” đối với Kỳ họp HĐND và Phiên họp UBND).

4. Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 4) quy định rõ: “Từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tại các đơn vị hành chính, cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã; số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Trưởng ban của Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn loại II tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13”.

5. Về kế hoạch triển khai thi hành Luật

5.1. Đối với nội dung liên quan đến Luật tổ chức Chính phủ: Luật không giao Chính phủ quy định chi tiết, tuy nhiên để thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội, trong năm 2020 Chính phủ cần ban hành 06 Nghị định (sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Nghị định hiện hành¹).

5.2. Đối với nội dung liên quan đến Luật tổ chức chính quyền địa phương: Trong năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND./.

¹ 06 Nghị định gồm: (1) Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; (2) Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (3) Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; (4) Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể và tự chủ về tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012); (5) Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012); (6) Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 về quản lý biên chế (một Nghị định sửa hai Nghị định).